

Số: *222*/QĐ-CDSPNA

Nghệ An, ngày *30* tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Quy chế tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NGHỆ AN

Căn cứ Luật Giáo dục, ngày 14/6/2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học, ngày 18/6/2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP, ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT, ngày 06/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BGDĐT, ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường cao đẳng sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-CDSPNA, ngày 09/9/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An về việc ban hành chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng cho các khoá tuyển sinh từ năm 2023.

Điều 3. Các ông (bà) trưởng các đơn vị trực thuộc Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD-ĐT, Sở GD-ĐT Nghệ An (để b/c);
- HT và PHT;
- Như Điều 3;
- Trang thông tin điện tử của Trường;
- Lưu VT, ĐT-NCKH.



QUY CHẾ

Tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

(Ban hành kèm theo Quyết định số 222/QĐ-CDSPNA, ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định những nguyên tắc, yêu cầu, tiêu chuẩn, quy trình, quyền hạn và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non chính quy.
2. Quy chế áp dụng đối với các khoá tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An (gọi tắt là Trường) từ năm 2023.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phạm vi tuyển sinh là các chương trình, ngành, nhóm ngành, lĩnh vực và hình thức đào tạo được tổ chức tuyển sinh trong một đợt, hoặc theo một phương thức tuyển sinh nhất định.
2. Dự tuyển là việc thí sinh tham dự quy trình tuyển sinh vào ngành đào tạo của Trường thông qua việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung và đăng ký dự thi năng khiếu, đăng ký xét tuyển theo quy định của Trường.
3. Xét tuyển là quy trình xử lý riêng tại Trường để xác định điều kiện trúng tuyển và lập danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển vào ngành đào tạo, căn cứ các tiêu chí xét tuyển do Trường xác định.
4. Xử lý nguyện vọng là quy trình xử lý trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung để xác định nguyện vọng cao nhất trong số nguyện vọng mà thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển, trên cơ sở đó lập danh sách thí sinh trúng tuyển.
5. Ngưỡng đầu vào (hay ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào) là yêu cầu tối thiểu về năng lực học tập thể hiện bằng kết quả học tập, kết quả thi, đánh giá để xác định thí sinh có khả năng theo học và hoàn thành chương trình đào tạo.
6. Xét tuyển thẳng là việc công nhận trúng tuyển đối với những đối tượng theo quy định của Quy chế này và đã áp ứng yêu cầu về điều kiện dự tuyển nhưng không cần xét tới ngưỡng đầu vào.
7. Tiêu chí đánh giá là những yếu tố được dùng trong kỳ thi, kiểm tra, đánh giá năng lực của thí sinh nhằm phân loại thí sinh theo mức độ áp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo.

8. Tiêu chí xét tuyển là những yếu tố được dùng để xác định điều kiện trúng tuyển của thí sinh, chủ yếu dựa vào thành tích học tập hoặc kết quả thi, đánh giá thí sinh; thông thường được quy thành điểm số để xét tuyển (điểm xét) trong đó có tính cả các điểm ưu tiên.

9. Điểm trúng tuyển là ngưỡng điểm mà những thí sinh đã đăng ký nguyện vọng vào ngành đào tạo có điểm xét bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển.

10. Điểm ưu tiên là số điểm chênh lệch giữa mức điểm trúng tuyển áp dụng cho nhóm thí sinh được ưu tiên so với mức điểm trúng tuyển bình thường; hay cũng chính là điểm mà nhóm thí sinh được cộng vào điểm xét để áp dụng mức điểm trúng tuyển bình thường.

11. Thi năng khiếu là kỳ thi được tổ chức bổ sung cho phương thức tuyển sinh để lấy kết quả làm căn cứ, một tiêu chí phục vụ xét tuyển.

12. Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục - Đào tạo là hệ thống phần mềm hỗ trợ đăng ký nguyện vọng xét tuyển, trao đổi dữ liệu xét tuyển, xử lý nguyện vọng và quản lý dữ liệu trúng tuyển, nhập học của Trường.

13. Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục - Đào tạo là giao diện web của hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục - Đào tạo.

14. Trang thông tin tuyển sinh của Trường là giao diện web hỗ trợ công tác tuyển sinh chung của Trường.

15. Mã trường là một mã số quy ước thống nhất trong toàn quốc dùng để định danh Trường.

16. Mã xét tuyển là một mã số quy ước thống nhất trong Trường dùng để định danh chương trình đào tạo, cùng với phương thức tuyển sinh được áp dụng.

Điều 3. Yêu cầu chung trong tuyển sinh

1. Trường thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình về công tác tuyển sinh, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Nhà trường thực hiện tất cả biện pháp cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội bình đẳng cho mọi thí sinh; tuyển chọn được những thí sinh có nguyện vọng và năng lực phù hợp nhất với yêu cầu của chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, ngành Giáo dục mầm non.

3. Trường tổ chức tuyển sinh dưới sự hỗ trợ, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cấp có thẩm quyền, thanh tra nội bộ Trường đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyển sinh.

Điều 4. Nguyên tắc cơ bản trong tuyển sinh

1. Công bằng đối với thí sinh

a) Về cung cấp thông tin: Mỗi thí sinh quan tâm được cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng, tin cậy, nhất quán và kịp thời để có quyết định phù hợp và chuẩn bị tốt nhất cho việc tham gia tuyển sinh.

b) Về cơ hội dự tuyển: Không thí sinh nào bị mất cơ hội dự tuyển do những quy định không liên quan tới trình độ, năng lực; hoặc do quy trình tuyển sinh gây phiền hà, tốn kém;

c) Về đánh giá năng lực: Thí sinh tham gia kỳ thi năng khiếu được đánh giá khách quan, công bằng và tin cậy đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo;

d) Về thực hiện cam kết: Trường thực hiện cam kết với đối với thí sinh; tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

2. Minh bạch đối với xã hội

a) Về minh bạch thông tin: Trường có trách nhiệm công bố thông tin tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng và kịp thời qua các phương tiện truyền thông phù hợp để xã hội và cơ quan quản lý nhà nước cùng giám sát;

b) Về trách nhiệm giải trình: Trường có trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước và giải trình với xã hội qua hình thức phù hợp về những vấn đề lớn, gây bức xúc cho người dân.

Điều 5. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

b) Người đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định;

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

3. Đối với các phương thức tuyển sinh của Trường về đối tượng, điều kiện dự tuyển phải tuân thủ nguyên tắc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Quy chế này.

4. Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập, tùy theo mức độ điều kiện sức khỏe của thí sinh trong khả năng cho phép, Nhà trường có thể tạo điều kiện để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển.

Điều 6. Phương thức tuyển sinh

Hàng năm, trong Đề án tuyển sinh, Trường công bố phương thức tuyển sinh. Mỗi phương thức tuyển sinh Trường quy định rõ các tiêu chí đánh giá, xét tuyển, các tổ hợp môn xét tuyển.

Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Ưu tiên theo khu vực (theo phụ lục I của Quy chế)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực I (KV1) là 0.75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0.5 điểm, khu vực 2(KV2) là 0.25 điểm, khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp); nếu thời gian học

(đài nhất) tại khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;

c) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi của Nhà nước theo quy định;

- Học sinh có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT hoặc tương đương) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình 135 (theo quyết định 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT (hoặc tương đương) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện khó khăn;

- Quân nhân, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong công an nhân dân được cử đi dự tuyển, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực có mức ưu tiên khác nhau thì hưởng ưu tiên theo khu vực có thời gian đóng quân dài hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ.

d) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) và một năm kế tiếp.

2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách (theo phụ lục II của Quy chế)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2.0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1.0 điểm;

b) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng chính sách khác (được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành) do Bộ trưởng GDĐT quyết định;

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại các điểm a, b khoản này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

3. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

4. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22.5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$Điểm\ ưu\ tiên = [(30 - Tổng\ điểm\ đạt\ được) / 7.5] \times Mức\ điểm\ ưu\ tiên\ quy\ định\ tại\ khoản\ 1,\ 2\ điều\ này$

Điều 8. Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

Hàng năm, trong Đề án tuyển sinh của Trường quy định cụ thể đối tượng, chỉ tiêu, tiêu chí, phạm vi tuyển sinh để xét tuyển thẳng, ưu tiên tuyển thẳng (nếu có).

Điều 9. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 10. Bảo lưu kết quả trúng tuyển

1. Thí sinh đã có giấy báo trúng tuyển được bảo lưu kết quả trúng tuyển trong những trường hợp sau:

a) Đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung ngay trong năm trúng tuyển theo quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền;

b) Bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn nghiêm trọng không thể nhập học đúng hạn, có hồ sơ y tế và xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

2. Thí sinh thuộc diện được bảo lưu kết quả trúng tuyển phải gửi đơn xin bảo lưu kết quả kèm theo giấy tờ chứng minh tới Trường trong thời gian gọi nhập học. Thời gian tối đa được bảo lưu kết quả là 3 năm.

3. Ngay sau khi đủ điều kiện đi học trở lại, người được bảo lưu kết quả trúng tuyển phải thực hiện các thủ tục nhập học theo quy định của Trường, trong đó phải cung cấp minh chứng đã đủ điều kiện để trở lại học tập.

Điều 11. Xây dựng kế hoạch tuyển sinh

1. Hàng năm Trường xây dựng, công bố và thực hiện đề án tuyển sinh để thực hiện trách nhiệm giải trình và cam kết đối với thí sinh, cơ quan quản lý nhà nước và xã hội.

2. Nội dung chủ yếu của đề án tuyển sinh gồm:

a) Thông tin giới thiệu về Trường, ngành và chương trình đào tạo, bao gồm thông tin về quyết định cho phép mở ngành, đội ngũ giảng viên, điều kiện học tập và nghiên cứu, văn bằng tốt nghiệp, kết quả kiểm định chất lượng, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm.

b) Thông tin đầy đủ về chi phí đào tạo, mức thu học phí, chỗ ở ký túc xá, các hỗ trợ khác dành cho người học.

c) Kế hoạch tuyển sinh và phạm vi tuyển sinh các đợt trong năm phù hợp với kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm quy định về đối tượng tuyển sinh, điều kiện tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh; các quy trình, thủ tục đăng ký xét tuyển, dự thi năng khiếu và các thông tin cần thiết khác cho thí sinh.

3. Nhà trường thông báo tuyển sinh kèm theo công bố Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường và qua các kênh thông tin khác trước khi mở đợt đăng ký dự tuyển của đợt tuyển sinh đầu tiên ít nhất 30 ngày; điều chỉnh, bổ sung (nếu có) trước ít nhất 15 ngày.

Chương II TỔ CHỨC THI NĂNG KHIẾU

Điều 12. Quy định thi năng khiếu

Quy định thi năng khiếu, Ban đề thi, Ban coi thi, Ban chấm thi do Hiệu trưởng Nhà trường quyết định.

Hàng năm, căn cứ Đề án tuyển sinh, Trường xây dựng quy định thi năng khiếu, nội dung quy định bao gồm:

- a) Nội dung, hình thức thi;
- b) Đối tượng, điều kiện dự thi;
- c) Nhiệm vụ quyền hạn của Ban Đề; Ban Coi, chấm thi năng khiếu;
- d) Trách nhiệm của thí sinh dự thi;
- đ) Tổ chức coi, chấm thi; điểm chấm và thang điểm;
- e) Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý sự cố, xử lý vi phạm.

Điều 13. Đề thi

1. Xây dựng theo các nội dung thi được quy định trong Đề án tuyển sinh của Trường.
2. Đề thi có nội dung phù hợp với chương trình đào tạo, không trái những quy định của pháp luật về giáo dục và văn hoá.
3. Tiêu chí đánh giá phải dựa trên năng lực, tư duy, phù hợp với đối tượng tuyển sinh.
4. Trong trường hợp tổ chức nhiều đợt thi thì đề thi phải đảm bảo tính tương đương.
5. Ban đề thi có trách nhiệm xây dựng, thẩm định đề thi.

Điều 14. Tổ chức thi

1. Các đợt thi năng khiếu (gọi tắt là thi) phục vụ xét tuyển do Trường tự tổ chức.
2. Nhà trường bảo đảm về đội ngũ, cơ sở vật chất và các điều kiện khác để tổ chức thi khách quan, nghiêm túc, chuyên nghiệp, an toàn, thuận tiện và hiệu quả; cụ thể như sau:
 - a) Thành lập các bộ phận chuyên trách tổ chức thực hiện toàn bộ quy trình của công tác thi;
 - b) Đội ngũ cán bộ tham gia công tác tổ chức thi phải có phẩm chất đạo đức tốt và năng lực chuyên môn phù hợp bảo đảm thực hiện tốt các nhiệm vụ trong từng quy trình của công tác thi;
 - c) Các quy trình và phân công trách nhiệm các bộ phận tham gia phải đầy đủ, rõ ràng và hiệu quả, bảo đảm tính độc lập, khách quan;
 - d) Cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng yêu cầu hỗ trợ hiệu quả cho thực hiện các quy trình trong công tác tổ chức thi, bao gồm cả yêu cầu về bảo mật, an toàn, an ninh, chống gian lận trong kỳ thi;
 - đ) Trường hợp tổ chức thi trực tuyến (nếu có) thực hiện đầy đủ biện pháp để bảo đảm kết quả đánh giá tin cậy và công bằng như đối với hình thức thi trực tiếp, đồng thời toàn bộ diễn biến của buổi thi được ghi hình, ghi âm và lưu trữ.
3. Trường chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi công tác trước, trong và sau các đợt thi năng khiếu.

Chương III

TỔ CHỨC XÉT TUYỂN

Điều 15. Xây dựng kế hoạch xét tuyển

1. Hàng năm căn cứ kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường xây dựng kế hoạch xét tuyển đợt 1 như sau:

- a) Đăng ký xét tuyển trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- b) Tổ chức xét tuyển tại trường theo phương thức sử dụng kết quả học tập lớp 12 trung học phổ thông hoặc kết quả thi, đánh giá thí sinh;
- c) Xử lý nguyện vọng trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (theo chu trình lập kết hợp với quy trình xét tuyển tại Trường);
- d) Xác nhận nhập học trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhập học tại Trường.

2. Căn cứ kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường xây dựng kế hoạch xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có).

Điều 16. Tổ chức đăng ký xét tuyển

- Căn cứ đề án tuyển sinh đã công bố, Nhà trường tổ chức cho thí sinh đăng ký dự tuyển bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại Trường.
- Thí sinh sử dụng quyền đăng ký xét tuyển trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 17. Đăng ký xét tuyển trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo kế hoạch chung

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo hỗ trợ tổ chức đăng ký xét tuyển đợt 1 cho tất cả phương thức tuyển sinh của Trường. Thời gian đăng ký theo Thông báo tuyển sinh hàng năm.
2. Thí sinh dự tuyển đợt 1 thực hiện đăng ký xét tuyển trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3. Thí sinh thể hiện nguyện vọng của mình qua những lựa chọn trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 18. Xét tuyển và xử lý nguyện vọng theo kế hoạch chung

1. Trường tự chủ tổ chức xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí xét tuyển. Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn lịch trình xét tuyển và hỗ trợ việc xử lý nguyện vọng trên hệ thống.
2. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký nguyện vọng trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường tải thông tin, dữ liệu từ hệ thống để phục vụ xét tuyển, bao gồm dữ liệu đăng ký nguyện vọng và kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông, kết quả học tập cấp trung học phổ thông của những thí sinh dự tuyển vào Trường theo các phương thức tuyển sinh.

3. Nguyên tắc xét tuyển

- a) Điểm trúng tuyển được xác định để số lượng tuyển được phù hợp với số lượng chỉ tiêu đã công bố, nhưng không thấp hơn ngưỡng đầu vào do Bộ Giáo dục - Đào tạo

quy định;

b) Tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng theo điểm xét không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký;

c) Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, Trường có thể sử dụng tiêu chí phụ để xét chọn đảm bảo chỉ tiêu;

d) Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển: Thực hiện theo quy định trong quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Sau mỗi chu kỳ xét tuyển, Trường tải lên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách thí sinh dự kiến đủ điều kiện trúng tuyển (theo các phương thức tuyển sinh). Hệ thống xử lý nguyện vọng sẽ tự động loại bỏ khỏi danh sách những nguyện vọng thấp của thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhiều nguyện vọng, trả lại danh sách thí sinh dự kiến trúng tuyển theo nguyện vọng cao nhất.

5. Căn cứ kết quả xử lý nguyện vọng, Trường lập lại quy trình xét tuyển ở chu kỳ sau, điều chỉnh điểm trúng tuyển cho phù hợp với chỉ tiêu trong thời hạn quy định. Ở chu kỳ cuối, Trường quyết định điểm trúng tuyển (theo các phương thức tuyển sinh) và tải lên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách (chính thức) thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển.

Trên cơ sở kết quả xử lý nguyện vọng cuối cùng, Trường quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển.

6. Nhà trường công bố điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân trên trang thông tin điện tử của trường.

Điều 19. Thông báo kết quả và xác nhận nhập học

1. Nhà trường gửi giấy báo trúng tuyển cho những thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ những thủ tục cần thiết đối với thí sinh khi nhập học và phương thức nhập học của thí sinh.

2. Thí sinh xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trên hệ thống, trước khi nhập học tại cơ sở đào tạo.

3. Đối với những thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định:

a) Nếu không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh từ chối nhập học và Nhà trường có quyền không tiếp nhận;

b) Nếu do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện quận, huyện trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của UBND quận, huyện trở lên, Nhà trường xem xét quyết định tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau;

c) Nếu do sai sót, nhầm lẫn của cán bộ thực hiện công tác tuyển sinh hoặc cá nhân thí sinh gây ra, Nhà trường chủ động phối hợp với các cá nhân, tổ chức liên quan xem xét các minh chứng và quyết định việc tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau.

4. Thí sinh đã xác nhận nhập học tại cơ sở đào tạo khác thì không được tham gia xét tuyển trừ khi được sự cho phép của cơ sở đào tạo mà thí sinh đã xác nhận nhập học.

Điều 20. Tổ chức đăng ký và xét tuyển các đợt bổ sung

1. Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học, hội đồng tuyển sinh của Trường xem xét, quyết định xét tuyển các đợt bổ sung. Nhà trường công bố kế hoạch xét tuyển, phương thức xét tuyển và hình thức đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung; điều kiện xét tuyển theo từng phương thức xét tuyển nhưng không thấp hơn điều kiện trúng tuyển đợt trước.

2. Thí sinh chưa trúng tuyển hoặc đã trúng tuyển nhưng chưa xác nhận nhập học vào bất cứ nơi nào có thể đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung theo kế hoạch và thông báo của Trường.

3. Kết thúc mỗi đợt xét tuyển, trường công bố trên trang thông tin điện tử điểm trúng tuyển theo các phương thức tuyển sinh; gửi giấy báo trúng tuyển và hướng dẫn cho thí sinh trúng tuyển nhập học.

Điều 21. Trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác xét tuyển

1. Trách nhiệm của thí sinh

a) Tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của Trường, không đăng ký nguyện vọng vào phương thức tuyển sinh mà thí sinh không đủ điều kiện;

b) Cung cấp đầy đủ và bảo đảm tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển, bao gồm cả thông tin cá nhân, thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên (nếu có); tính xác thực của các giấy tờ minh chứng;

c) Đồng ý để Nhà trường được quyền sử dụng thông tin, dữ liệu cần thiết phục vụ cho công tác xét tuyển;

d) Hoàn thành thanh toán lệ phí tuyển sinh trước khi kết thúc thủ tục đăng ký dự tuyển.

2. Trách nhiệm của Trường

a) Cung cấp đầy đủ, đúng định dạng và bảo đảm tính xác thực của thông tin, dữ liệu tuyển sinh lên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn và hướng dẫn thí sinh, không để thí sinh đăng ký dự tuyển vào phương thức tuyển sinh mà không đủ điều kiện;

c) Bảo đảm quy trình xét tuyển chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện các cam kết theo đề án tuyển sinh đã công bố;

d) Kiểm tra thông tin và hồ sơ minh chứng khi thí sinh nhập học, bảo đảm tất cả thí sinh nhập học phải đủ điều kiện trúng tuyển;

đ) Giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan tới công tác xét tuyển của trường theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh

1. Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh.

2. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh trường gồm có:

- a) Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng;
- b) Phó Chủ tịch: Phó Hiệu trưởng;
- c) Ủy viên thường trực: Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học;
- d) Các ủy viên: Một số trưởng hoặc phó trưởng phòng, trưởng hoặc phó trưởng khoa, trưởng hoặc phó bộ môn liên quan đến thi tuyển sinh và cán bộ công nghệ thông tin;

Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) dự tuyển vào trường không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc của Hội đồng tuyển sinh trường trong năm đó.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh trường

- a) Tổ chức xây dựng Quy chế tuyển sinh; Đề án tuyển sinh hàng năm theo quy định;
- b) Tổ chức tuyển sinh theo Quy chế, Đề án tuyển sinh đã ban hành; thực hiện giải trình với các cơ quan có thẩm quyền và xã hội về công tác tuyển sinh của Trường;
- c) Tổ chức thanh tra, kiểm tra nội bộ;
- d) Giải quyết thắc mắc và khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh;
- đ) Thu hoặc ủy quyền thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh, lệ phí xét tuyển;
- e) Tổng kết, báo cáo công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định;
- f) Cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển và nhập học lên hệ thống chậm nhất 30 ngày sau khi thí sinh hoàn thành thủ tục nhập học;
- g) Bảo quản, lưu trữ các tài liệu liên quan đến tuyển sinh trong suốt khóa đào tạo theo quy định của Luật Lưu trữ và các quy định về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trường

- a) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của trường;
- c) Thành lập các Ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh trường để thực hiện công tác tuyển sinh; Trưởng các Ban phải là thành viên Hội đồng tuyển sinh.

5. Phó Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trường thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh phân công và thay mặt Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh giải quyết công việc khi Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh ủy quyền.

Điều 23. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh Trường

1. Thành phần Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh trường gồm có:
 - a) Trưởng ban do Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh trường kiêm nhiệm;
 - b) Các ủy viên: Một số cán bộ Phòng Đào tạo - NCKH hoặc các phòng, khoa liên quan và cán bộ công nghệ thông tin.
2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh

a) Công bố các thông tin tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác;

b) Cập nhật lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo tất cả các thông tin của trường theo quy định;

c) Tổ chức kiểm tra hồ sơ của thí sinh dự tuyển và trúng tuyển theo quy định;

d) Dự kiến phương án điểm trúng tuyển, trình Hội đồng tuyển sinh quyết định;

đ) Lập danh sách thí sinh trúng tuyển; thông báo thí sinh trúng tuyển nhập học;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh giao.

Điều 24. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Đề thi năng khiếu

1. Thành phần Ban Đề thi năng khiếu gồm có:

- Trưởng ban do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Trường kiêm nhiệm;

- Trưởng môn thi do 1 cán bộ phụ trách hoặc do trưởng ban Đề thi kiêm nhiệm;

- Các ủy viên là cán bộ tham gia biên soạn và phân biện đề thi;

- Thư kí ban đề thi làm nhiệm vụ đánh máy, in, đóng gói đề thi;

Những người có người thân (cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột) dự tuyển vào trường trong năm tổ chức thi không được tham gia Ban Đề thi năng khiếu.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Đề thi

Biên soạn đề thi, in, đóng gói, bảo quản, phân phối đề thi theo quy định.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng ban Đề thi

a) Lựa chọn người làm Trưởng môn thi, cán bộ ra đề thi và phân biện đề thi, cán bộ thư ký giúp việc Ban Đề thi trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Trường quyết định;

b) Tổ chức chỉ đạo thực hiện các hoạt động của Ban đề thi;

c) Chỉ đạo xử lý các tình huống bất thường về đề thi;

d) Chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng tuyển sinh Trường về chất lượng, bảo mật đề thi.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng môn thi:

a) Thực hiện đầy đủ yêu cầu việc ra đề thi của môn thi do mình phụ trách;

b) Tổ chức cho cán bộ ra đề thi biên soạn đề, hướng dẫn chấm, xây dựng phiếu chấm trình Trưởng ban Đề thi để tổ chức phân biện. Sau khi nhận được ý kiến phân biện, tổ chức việc đối thoại, chỉ đạo việc chỉnh sửa, hoàn thiện lại đề thi, hướng dẫn chấm, phiếu chấm trình Trưởng ban Đề thi phê duyệt;

c) Theo dõi, giải đáp và xử lý các vấn đề liên quan đến đề thi do mình phụ trách trong thời gian tổ chức thi;

d) Chịu trách nhiệm cá nhân về chất lượng đề thi của môn thi.

5. Nhiệm vụ của cán bộ làm đề thi:

a) Chuẩn bị các tài liệu cần thiết phục vụ việc ra đề thi và chịu trách nhiệm trước Trưởng môn thi về việc sử dụng những tài liệu này;

b) Xây dựng đề thi, hướng dẫn chấm, phiếu chấm đáp ứng các yêu cầu nội dung thi theo sự phân công của Trưởng môn thi;

c) Chấp hành nghiêm chỉnh quy trình bảo mật đề thi;

d) Chịu trách nhiệm cá nhân về chất lượng đề thi do mình phụ trách.

6. Nhiệm vụ của cán bộ phân biện đề thi:

a) Nắm vững yêu cầu về cấu trúc và nội dung đề thi;

b) Kiểm tra tính chính xác, sự phù hợp và phát hiện sai sót của đề thi;

c) Đề xuất ý kiến bằng văn bản với Trưởng môn thi.

Điều 25. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban coi, chấm thi năng khiếu

1. Thành phần Ban coi, chấm thi năng khiếu gồm:

a) Trưởng ban do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm;

b) Ủy viên thường trực do Trưởng ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm;

c) Các uỷ viên gồm:

- Trưởng môn chấm thi và các cán bộ chấm thi. Mỗi nội dung thi phải có tối thiểu 2 cán bộ chấm thi;

- Cán bộ thư ký.

- Cán bộ phục vụ thi: bảo vệ, cán bộ y tế, công an; nhân viên phục vụ.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban coi, chấm thi:

Thực hiện và chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động coi và chấm thi năng khiếu.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng ban Coi, chấm thi năng khiếu: Điều hành công tác coi, chấm thi. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng tuyển sinh Trường về các nội dung trong quá trình tổ chức coi, chấm thi năng khiếu.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy viên thường trực:

Điều hành các uỷ viên Ban Thư ký thực hiện nhiệm vụ.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng môn thi:

a) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Trường và Trưởng ban Coi, chấm thi năng khiếu về việc chấm nội dung thi do mình phụ trách theo qui định của quy trình coi, chấm thi;

b) Trước khi chấm thi, tổ chức cho cán bộ chấm thi thảo luận, nắm vững tiêu chuẩn đánh giá, thang điểm...

6. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của cán bộ chấm thi:

a) Cán bộ chấm thi năng khiếu là những người có tinh thần trách nhiệm cao, vô tư, trung thực, có trình độ chuyên môn tốt, có kinh nghiệm trong giảng dạy ngành Giáo dục mầm non; những giảng viên đang trong thời kỳ tập sự không tham gia chấm thi.

b) Mọi cán bộ tham gia chấm thi phải thực hiện đúng các quy định, không giúp thí sinh dưới mọi hình thức, không thông tin kết quả thi cho thí sinh, nếu sai phạm sẽ bị xử lý theo quy định.

Điều 26. Thông báo thí sinh trúng tuyển nhập học

1. Hội đồng tuyển sinh trường gửi giấy thông báo thí sinh trúng tuyển nhập học khi thí sinh đã đáp ứng đủ các điều kiện trúng tuyển theo quy định của Quy chế này và quy định của trường trong đó ghi rõ những thủ tục cần thiết đối với thí sinh khi nhập học.

2. Thí sinh trúng tuyển vào trường cần nộp bản sao hợp lệ những giấy tờ sau đây:

a) Học bạ;

b) Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời đối với những người trúng tuyển ngay trong năm tốt nghiệp hoặc bằng tốt nghiệp THPT đối với những người đã tốt nghiệp các năm trước. Những người mới nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, đầu năm học sau phải xuất trình bản chính bằng tốt nghiệp THPT để đối chiếu kiểm tra;

c) Giấy khai sinh;

d) Các minh chứng để được hưởng chế độ ưu tiên quy định trong văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT;

đ) Các yêu cầu khác theo quy định của các trường.

3. Đối với thí sinh đến trường nhập học chậm sau 15 ngày trở lên kể từ ngày ghi trong thông báo nhập học:

a) Nếu không có lý do chính đáng thì coi như bỏ học;

b) Nếu đến chậm do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện quận, huyện trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của UBND quận, huyện trở lên, các trường xem xét quyết định tiếp nhận vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau.

Điều 27. Kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển

1. Khi thí sinh đến nhập học, trường tổ chức kiểm tra hồ sơ đã nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Quy chế này.

2. Trong quá trình sinh viên đang theo học tại trường, trường tổ chức thanh tra, kiểm tra hồ sơ và kết quả thi của thí sinh theo quy định.

Điều 28. Sử dụng Công nghệ thông tin trong công tác tuyển sinh

1. Cán bộ công nghệ thông tin nhập dữ liệu lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT; đảm bảo quy trình, thời hạn thực hiện công việc theo kế hoạch chung về tuyển sinh.

2. Cán bộ công nghệ thông tin thực hiện các công việc sau:

a) Lập địa chỉ E-mail chính thức sử dụng trong công tác tuyển sinh;

b) Khai thác, xử lý thông tin; cập nhật dữ liệu theo đúng cấu trúc, quy trình, thời hạn lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT;

c) Gửi Giấy báo trúng tuyển cho thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ kết quả xét tuyển của thí sinh;

d) Thực hiện tổ chức xét tuyển theo quy định.

3. Có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu thông tin đã nhập với thông tin liên quan trong hồ sơ thí sinh và thông tin trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT.

Điều 29. Hoạt động thanh tra, kiểm tra của thanh tra nội bộ trường

- Hiệu trưởng trường tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh theo quy định.

- Trình tự, thủ tục tổ chức thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

- Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) xét tuyển vào trường không được tham gia công tác thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh trong năm đó.

Điều 30. Xử lý vi phạm, chế độ báo cáo, lưu trữ

1. Cán bộ và thí sinh có hành vi vi phạm trong quá trình tổ chức thi năng khiếu sẽ bị xử lý theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Thí sinh có hành vi gian lận trong quá trình đăng ký dự tuyển để được trúng tuyển; tùy theo mức độ có thể bị buộc thôi học hoặc bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Người có hành vi vi phạm Quy chế này là cán bộ viên chức của Trường, tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định về xử lý kỷ luật viên chức, công chức.

4. Báo cáo Bộ GDĐT, các cấp có thẩm quyền về thông tin tuyển sinh; kết quả tuyển sinh của Trường theo quy định.

5. Bảo quản và lưu trữ các tài liệu liên quan đến tuyển sinh theo quy định của Luật Lưu trữ, và các quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quy chế tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non, ban hành kèm theo Quyết định số, ngày tháng năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An)

Phụ lục 1. Phân chia khu vực tuyển sinh

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.
Khu vực 2 (KV2)	Các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương.

Phụ lục 2. Đối tượng chính sách ưu tiên

Đối tượng	Mô tả đối tượng và điều kiện
<i>Nhóm ưu tiên 1</i>	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú trong thời gian học THPT hoặc trung cấp trên 18 tháng tại Khu vực 1.
02	Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sỹ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.
03	a) Thương binh, bệnh binh, người có "Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh"; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1; c) Quân nhân; sĩ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên; d) Quân nhân; sĩ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.
04	a) Thân nhân liệt sỹ; b) Con thương binh, bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ

	<p>81% trở lên;</p> <p>c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;</p> <p>d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;</p> <p>đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị di dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hoá học đang được hưởng trợ cấp hàng tháng.</p>
<i>Nhóm ưu tiên 2</i>	
05	<p>a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học;</p> <p>b) Quân nhân; sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng ở khu vực khác;</p> <p>c) Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày ĐKXT.</p>
06	<p>a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01;</p> <p>b) Con thương binh, bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%;</p> <p>c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%.</p>
07	<p>a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ GDĐT quy định về việc xác định mức độ khuyết tật thực hiện;</p> <p>b) Người lao động ưu tú thuộc tất cả các thành phần kinh tế từ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên nếu được công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;</p> <p>c) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên;</p> <p>d) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng ngành tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khoẻ.</p>